**Bảng 5: Xác định bữa ăn nguyên nhân (mẫu điều tra 5)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| TT | Bữa ăn | Số người bị NĐTP | Số người không bị NĐTP |
| Đã ăn | Không ăn | cộng | Tỷ lệ ăn (%) | Đã ăn | Không ăn | Cộng | Tỷ lệ ăn (%) |
| 1 | X |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Y |  |  |  |  |  |  |  |  |

*Ngày tháng năm***Người điều tra**

Phương pháp: Từ số liệu ở bảng 2 và 4 cộng số người đã ăn và không ăn bị NĐTP và số người đã ăn và không ăn không bị NĐTP. Số liệu thu được điền vào các ô tương ứng ở bảng 5.

Ví dụ: Kết quả điều tra bữa ăn nguyên nhân được trình bày ở bảng sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| TT | Bữa ăn | Bị ngộ độc | Không bị NĐ |
| Đã ăn | không ăn | + | Tỷ lệ ăn | Đã ăn | Không ăn | + | Tỷ lệ ăn |
| 1 | X | 32 | 0 | 32 | 100,0 | 97 | 28 | 125 | 77,6 |
| 2 | Y | 18 | 14 | 32 | 56,3 | 121 | 4 | 125 | 96,8 |

Trong trường hợp này, tỷ lệ ăn của người bị ngộ độc ở bữa X là 100,0%. Do đó bữa ăn nguyên nhân là X. Nếu điều tra được cả 3 bữa ăn, ta cũng thiết lập bảng như trên để xác định bữa ăn nguyên nhân.

Ví dụ: Kết quả điều tra bữa ăn nguyên nhân được trình bày ở bảng sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| TT | Bữa ăn | Bị ngộ độc | Không bị NĐ |
| Đã ăn | Không ăn | + | Tỷ lệ ăn | Đã ăn | Không ăn | + | Tỷ lệ ăn |
| 1 | Bữa ăn sáng (X) | 32 | 0 | 32 | 100,0 | 97 | 28 | 125 | 77,6 |
| 2 |  Bữa trưa (Y) | 18 | 14 | 32 | 56,3 | 121 | 4 | 125 | 96,8 |
| 3 |  Bữa tối (Z) | 24 | 8 | 32 | 75,0 | 114 | 11 | 125 | 91,2 |

Qua tỷ lệ của người bị NĐ, ta thấy bữa ăn nguyên nhân là bữa sáng (bữa X).

6. Điều tra thức ăn nguyên nhân: (thức ăn gây NĐTP hoặc là thức ăn chứa căn nguyên nhân NĐTP)